

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGUYỄN BÌNH
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 32/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 06-12-2017

“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGUYỄN BÌNH, TỈNH CAO BẰNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngôn Ngọc Viên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Lê

2. Bà Vi Thị Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Quang Thụ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nguyễn Bình, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nguyễn Bình, tỉnh Cao Bằng:
Không tham gia.

Ngày 06 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nguyễn Bình, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/2017/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2017 về việc tranh chấp "Ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 216/2017/QĐXX-ST ngày 24 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị Bàn Thị T ; Sinh năm: 1985; Địa chỉ: xóm Y, xã Đ, huyện K, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

2. *Bị đơn:* anh Chu Khánh P; Sinh năm 1987; Địa chỉ: xóm X, xã Q, huyện K, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

3. *Người phiên dịch:* Bà Đặng Thị Nghim; Nghề nghiệp: Hữu trí.

Trú tại: Tổ dân phố 4, thị trấn L, huyện K, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn - chị Bàn Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị T kết hôn với anh P từ năm 2012, hôn nhân không được tìm hiểu, do hai bên gia đình định đoạt, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ,

huyện K, tỉnh Cao Bằng. Sau khi kết hôn, anh P về ở rể tại nhà chị T, thời gian đầu tình cảm vợ chồng chung sống hạnh phúc. Khoảng được gần một năm thì tình cảm vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh P ham chơi, hay uống rượu, không giúp đỡ chị T chăm, nuôi con. Mỗi lần anh P say rượu lại sinh sự với chị. Sự việc đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng anh P vẫn không chịu tiếp thu sửa chữa. Ngày 17/01/2013 anh P bỏ về nhà bố mẹ đẻ cho đến nay. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng chung sống không hạnh phúc, bị anh P luôn sinh sự, chửi bới, đe dọa nên chị T không thể chịu đựng được nay yêu cầu được ly hôn với anh P.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung Bàn Thị Phương V, sinh ngày 13/6/2012. Sau khi ly hôn chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Bàn Thị Phương V sinh ngày 13/6/2012 cho đến khi cháu tròn 18 tuổi và không yêu cầu anh P cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và hòa giải trong quá trình xét xử, bị đơn - anh Chu Khánh P trình bày:

Về hôn nhân: Anh P xác nhận những lời khai của chị T về thời gian, điều kiện, thủ tục kết hôn đúng như chị T trình bày, anh P không có ý kiến gì thêm. Sau khi kết hôn anh P về ở rể tại nhà bố mẹ đẻ chị T, lúc đầu tình cảm vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2013, hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh P thường xuyên uống rượu, ít tham gia lao động giúp gia đình nên xảy ra mâu thuẫn. Anh cho rằng, tình cảm vợ chồng vẫn còn, chị T yêu cầu ly hôn, anh P không đồng ý với yêu cầu của chị T. Anh P mong muốn hai vợ chồng quay lại đoàn tụ, tiếp tục chung sống mặc dù anh không có biện pháp khắc phục.

Về con chung: Nếu ly hôn anh P yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Bàn Thị Phương V sinh ngày 13/6/2012 cho đến khi cháu tròn 18 tuổi và không yêu cầu chị T cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] *Về tố tụng dân sự:* Chị T và anh P có hộ khẩu và địa chỉ thường trú tại các xã Đ, Q thuộc huyện K, tỉnh Cao Bằng nên tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung giữa chị T và anh P thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Cao Bằng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về hôn nhân*: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 07, Quyển số 03 do Ủy ban nhân dân xã Đ cấp ngày 13/7/2012 giữa Bàn Thị T và Chu Khánh P, hôn nhân của chị T và anh P là hôn nhân hợp pháp, cần được pháp luật bảo vệ. Tuy nhiên, trong thời gian chung sống, hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, theo lời khai cũng như tại phiên tòa của chị T nguyên nhân mâu thuẫn là do anh P uống rượu say về sinh sự, chửi bới, đe dọa chị T. Tình trạng này luôn xảy ra mỗi khi anh P uống rượu say về. Hội đồng xét xử nhận thấy, mâu thuẫn giữa chị T và anh P là do anh P uống rượu về thường xuyên sinh sự, chửi bới, đe dọa chị T. Theo Điều 19, 21 Luật Hôn nhân và gia đình, vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; vợ chồng có nghĩa vụ tôn trọng, giữ gìn, bảo vệ danh dự, nhân phẩm cho nhau. Tuy nhiên, anh P đã không thực hiện đúng nghĩa vụ của mình mà còn làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Theo Điều 56 luật hôn nhân gia đình, yêu cầu ly hôn của chị T là có căn cứ nên cần được chấp nhận. Còn yêu cầu của anh P Hội đồng xét xử không thể chấp nhận vì anh chị đã ly thân, không còn chung sống với nhau từ tháng 01 năm 2013 đến nay anh vẫn không có biện pháp khắc phục mà còn làm cho tình trạng hôn nhân trầm trọng thêm.

[4] *Về con chung*: Chị T trình bày, chị và anh P có một con chung sinh ngày 13/6/2012 là Bàn Thị Phương V. Chị T yêu cầu được nuôi con cho đến khi cháu V tròn 18 tuổi và không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nếu ly hôn anh P yêu cầu được nuôi con Bàn Thị Phương V cho đến khi cháu tròn 18 tuổi và không yêu cầu chị T cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Xét điều kiện hoàn cảnh kinh tế của các bên, chị T đủ khả năng nuôi các con. Về phía anh P, không có việc làm, lười lao động, thu nhập không ổn định lại hay uống rượu và sinh sự, chửi bới vợ con. Căn cứ khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu V cho chị T nuôi dưỡng để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của cháu. Ghi nhận ý kiến của chị T về việc không yêu cầu anh P cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung. Bác yêu cầu nuôi con chung của anh Chu Khánh P.

[14] *Về tài sản chung*: Chị T và anh P khẳng định không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

[15] *Về án phí*: Chị T và anh P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 273, của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 53, 54, 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 27, tiểu mục 1.1 Mục 1 phần II (danh mục án phí) Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về hôn nhân*: Xử cho chị Bàn Thị T được ly hôn với anh Chu Khánh P.

Bác yêu cầu quay trở lại đoàn tụ vợ chồng của anh Chu Khánh P.

Giấy chứng nhận kết hôn số 07 Quyển số 03 do Ủy ban nhân dân xã Đ cấp ngày 13/7/2012 giữa Bàn Thị T và Chu Khánh P không còn giá trị kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. *Về con chung*: Giao cháu Bàn Thị Phương V, sinh ngày 13/6/2012 cho chị T nuôi dưỡng. Anh P không phải cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

Bác yêu cầu xin được nuôi con chung của anh Chu Khánh P.

Anh P có quyền đi lại thăm và chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Không có.

4. *Về án phí*: Chị Bàn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị T đã nộp theo Biên lai số AB/2012/02409 ngày 03/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Cao Bằng.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND huyện Nguyên Bình;
- THADS huyện Nguyên Bình;
- UBND xã Đ;
- Đương sự;
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngôn Ngọc Viên